

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

KHỐI 9

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
1	09/9-14/9	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Speaking + Sản phẩm học tập (Cả học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)				ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	
2	16/9-21/9												
3	23/9-28/9		ĐGTX-L2 Tự luận 100%				ĐGTX-L2 Sản phẩm						
4	30/9-05/10	ĐGTX-L1 Viết (100% tự luận)			ĐGTX-L2 Viết (TN:TL = 5:5)								
5	07/10-12/10					ĐGTX-L2 Tự luận		ĐGTX-L2 Thực hành	ĐGTX-L2 Trắc nghiệm	ĐGTX-L1	ĐGTX-L1		
6	14/10-19/10	ĐGTX-L2 Viết (100% tự luận)	ĐGTX-L3 Sản phẩm (viết báo cáo)	ĐGTX-L2 Sản phẩm học tập			ĐGTX-L3 (TN:TL = 4:6)						ĐGTX-L1 Sản phẩm
7	21/10-26/10				ĐGTX-L3 Viết (TN:TL = 5:5)	ĐGTX-L3 Tự luận							
8	28/10-02/11	Kiểm tra giữa kỳ (dự kiến) (Hình thức kiểm tra sẽ được thông báo trong tuần 6 - Học kỳ I)											
9	04/10-09/11												
10	11/11-16/11							ĐGTX-L3 Thực hành					
11	18/11-23/11	ĐGTX-L3 Sản phẩm học tập				ĐGTX-L4 Tự luận	ĐGTX-L4 Thuyết trình				ĐGTX-L2		
12	25/11-30/11	ĐGTX-L4 Thuyết trình	ĐGTX-L4 TN 100%		ĐGTX-L4 Viết (TN:TL = 4:6)					ĐGTX-L2			ĐGTX-L2 Sản phẩm

TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

KHỐI 9

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
13	02/12-07/12				KT Nói HK1 tại lớp (Tuần 12-13)								
14	09/12-14/12												
15	16/12-21/12	Kiểm tra cuối kỳ (Thời gian và Hình thức kiểm tra theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT)											
16	23/12-28/12												
17	30/12-04/01												
18	06/01-11/01												

Số điểm đánh giá trong học kỳ 1 của các môn học

STT	Môn học	Số tiết/năm	Số điểm ĐGTX	Số điểm ĐGGK	Số điểm ĐGCK
1	Ngữ văn	140	4	1	1
2	Lịch sử và Địa lý	105	4	1	1
3	Giáo dục Công dân	35	2	1	1
4	Tiếng Anh	105	4	1	1
5	Toán	140	4	1	1
6	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1
7	Công nghệ	35	2	1	1
8	Tin học	35	2	1	1
9	Nghệ thuật	70	2	1	1
10	Giáo dục thể chất	70	2	1	1
11	Giáo dục địa phương	35	2	1	1
12	Hoạt động trải nghiệm	105	2 (đánh giá sản phẩm, quá trình)	1 (đánh giá sản phẩm, quá trình)	1 (đánh giá sản phẩm, quá trình)

Ghi chú: ĐGTX: Đánh giá thường xuyên

ĐGGK: Đánh giá giữa kỳ

ĐGCK: Đánh giá cuối kỳ

TN: Trắc nghiệm

TL: Tự luận

L1; L2; L3; L4: Lần 1, Lần 2, Lần 3, Lần 4

Tỉ lệ 5:5 là tỉ lệ điểm của trắc nghiệm và tự luận

Tân Bình, ngày 09 tháng 9 năm 2024



Nguyễn Hoàng Sơn